

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CN01302: VIẾT TÀI LIỆU KHOA HỌC (WRITING A SCIENTIFIC PAPER)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 5
- Tín chỉ: 2 TC (Lý thuyết: 1,5 – Thực hành: 0,5 – Tự học: 6,0)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22,5 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 7,5 tiết
- Tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Di truyền – Giống gia súc
 - Khoa: Chăn nuôi
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Cơ sở ngành ☐				Chuyên ngành ☐			
		Chuyên ngành 1 ☐		Chuyên ngành 2 ☐		Chuyên ngành 1 ☐		Chuyên ngành 2 ☐	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* Mục tiêu của học phần:

Học phần nhằm trang bị cho người học **kiến thức** về viết đề cương nghiên cứu, viết kết quả nghiên cứu. Người học được rèn luyện các **kỹ năng** về sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản, tìm kiếm, quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo. Học phần cũng giúp cho người học **rèn luyện thái độ** làm việc độc lập nghiêm túc, tuân thủ quy định và tăng cường khả năng thích ứng, chủ động phối hợp làm việc nhóm.

*** Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi thú y	
Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	CDR 1: Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y;
Kiến thức chuyên môn	CDR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
	CDR 3: Đánh giá hiệu quả chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
	CDR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi đảm bảo lợi ích kinh tế, môi trường và phúc lợi động vật;
Kỹ năng chung	CDR 5: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và kỹ năng phản biện trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi hiệu quả;
	CDR 6: Phối hợp âm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý;
	CDR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CDR 8: Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH và nhu cầu của thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả;
	CDR 9: Ứng dụng về kỹ thuật và công nghệ trong phát triển chăn nuôi bền vững;
	CDR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi, Thú y phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra;
	CDR 11: Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi;
Thái độ và phẩm chất đạo đức	CDR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
	CDR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
	CDR 14: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
CN01302	Viết tài liệu khoa học					P	R	R
		CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14
						P		

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		

Kỹ năng		
K1	Đánh giá bài báo khoa học trong lĩnh vực chăn nuôi thú y	CDR 5: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và kỹ năng phản biện trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi hiệu quả;
K2	Phối hợp làm việc nhóm để viết đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực chăn nuôi thú y	CDR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý;
K3	Sử dụng thành thạo công cụ đa phương tiện để tìm kiếm tài liệu khoa học	CDR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
K4	Tôn trọng quy định nội bộ, chuẩn mực đạo đức trong việc viết và trích dẫn tài liệu tham khảo	CDR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

III. Nội dung tóm tắt của học phần

CN01302. Viết tài liệu khoa học (Writing a scientific paper) (2TC: 1,5; 0,5-6,0). Học phần bao gồm các chương: Nghiên cứu khoa học và tài liệu khoa học; Văn phong khoa học; Đề cương và kết quả nghiên cứu; Tên đề tài; Đặt vấn đề; Tổng quan tài liệu; Vật liệu và phương pháp nghiên cứu; Kết quả và thảo luận; Kết luận, tóm tắt và từ khoá; Trích dẫn và tài liệu tham khảo. Học phần có 3 bài thực hành, gồm:

- Bài 1: Tìm kiếm tài liệu tham khảo
- Bài 2: Sử dụng phần mềm EndNote trong quản lý, trích dẫn tài liệu tham khảo
- Bài 3: Viết đề cương khoá luận tốt nghiệp

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề
- Giảng dạy thông qua thảo luận
- Giảng dạy thông qua thực hành
- Dạy qua e-learning:

<http://elearning.vnua.edu.vn/ch%E1%BB%A7-%C4%91%E1%BB%81/chan-nuoi?page=2>

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc giáo trình, tài liệu tham khảo,
- Tham gia thảo luận, trao đổi trên lớp
- Tìm tài liệu, thảo luận
- Thực hành
- E-learning: Tìm và tra cứu tài liệu; làm bài tập

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: SV phải tham dự ít nhất 75% số tiết lý thuyết của học phần và tham gia các hoạt động trên lớp (thảo luận trên lớp và trên e-learning...).

- Thực hành: Sinh viên phải tham dự tất cả các nội dung thực hành
- Thi cuối kì: Hoàn thành bài thi cuối kỳ.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần: là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm quá trình: 40%
 - + Tham dự lớp và thảo luận: 10%
 - + Bài tập nhóm: 10%
 - + Đánh giá thuyết trình: 20%
- Điểm thi cuối kì: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD của học phần	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình		40	
Rubric 1. Đánh giá tham dự và thảo luận	K4	10	Tuần 1-7
Rubric 2. Đánh giá bài tập nhóm	K1, K2, K3	20	Tuần 3-10
Rubric 3. Đánh giá thuyết trình theo nhóm	K1, K2, K3	10	10
Đánh giá cuối kì		60	
Rubric 4. Đánh giá thi cuối kì	K1, K2, K3		Theo lịch của HIV

Rubric 1: Đánh giá tham dự học tập trên lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Vắng ≤ 10%	Vắng ≤ 15%	Vắng ≤ 25% (không có lý do) hoặc Vắng ≤ 30% (có lý do)	Vắng >25% (không có lý do) hoặc Vắng >30% (có lý do)

Rubric 2: Bài tập nhóm

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
----------	------------	-------------	------------	-------------------	-----------

Hình thức trình bày	25	Cẩn thận, rõ ràng và đầy đủ nội dung theo yêu cầu	Khá cẩn thận, 1 -2 nội dung còn thiếu hoặc chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, 3-4 nội dung còn thiếu hoặc chưa rõ ràng	Câu trả và nội dung trình bày không rõ ràng (0đ)
Chất lượng sản phẩm giao nộp	60	Sáng tạo/Đáp ứng tốt yêu cầu và kết quả đúng cho tất cả các nội dung	Đáp ứng khá tốt yêu cầu và có kết quả sai nhưng ít ảnh hưởng	Đáp ứng một phần yêu cầu, có điều chỉnh theo góp ý và kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tùy mức độ: 1.0-0.5 đ)	Không sử dụng được
Thời gian giao nộp sản phẩm	15	Đúng hạn	Trễ ít, không gây ảnh hưởng đến chất lượng chung	Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng đến chất lượng chung nhưng có thể khắc phục	Không nộp/ Trễ gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng chung, không thể khắc phục

Rubric 3. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn	Hoàn thành đúng thời gian,	Hoàn thành đúng thời gian,	Quá giờ

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
		toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	không linh hoạt theo tình huống.	
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Rubric 4: Đánh giá cuối kì

Thi cuối kì: dạng bài thi tự luận

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Nghiên cứu khoa học và tài liệu khoa học	Chỉ báo 1: Trình bày nghiên cứu khoa học và phân loại được tài liệu khoa học	K1, K2, K3
Văn phong khoa học, đề cương và kết quả nghiên cứu	Chỉ báo 2: Vận dụng ba cần, ba không, ba chú ý khi viết tài liệu khoa học và phân biệt được giữa đề cương và kết quả nghiên cứu	K1, K2, K3
Tên đề tài	Chỉ báo 3: Vận dụng khái niệm, yêu cầu, những vấn đề cần tránh khi lựa chọn tên đề tài	K1, K2, K3
Đặt vấn đề	Chỉ báo 4: Phân tích mục đích và cách viết đặt vấn đề	K1, K2, K3
Tổng quan tài liệu	Chỉ báo 5: Vận dụng khái niệm, mục đích, các yêu cầu, các nguồn tài liệu sử dụng để viết tổng quan tài liệu và cấu trúc chung của tổng quan tài liệu	K1, K2, K3
Vật liệu và phương pháp nghiên cứu	Chỉ báo 6: Vận dụng khái niệm, yêu cầu, để viết phần vật liệu và phương pháp nghiên cứu	K1, K2, K3
Kết quả và thảo luận	Chỉ báo 7: Vận dụng khái niệm, mục đích để viết phần kết quả và thảo luận	K1, K2, K3

Kết luận, từ khoá, tóm tắt	Chỉ báo 8: Vận dụng khái niệm, mục đích để viết phần kết luận, từ khoá và tóm tắt	K1, K2, K3
Trích dẫn và tài liệu tham khảo	Chỉ báo 9: Vận dụng khái niệm, nguyên tắc viết trích dẫn, mối liên quan giữa trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo để viết trích dẫn và tạo danh mục tài liệu tham khảo	K1, K2, K3

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các bài thi: Không tham gia bài thi cuối kỳ sẽ nhận điểm không và không được kiểm tra/thi lại (trừ lý do bất khả kháng).

Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên đến lớp học cần ăn mặc gọn gàng, thanh lịch, có thái độ tôn trọng, lễ phép và cư xử đúng mực với thầy cô và bạn học. Không sử dụng điện thoại và nói chuyện riêng trong lớp.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Đặng Vũ Bình, Đỗ Đức Lực, Nguyễn Hoàng Thịnh, Hà Xuân Bộ & Đoàn Văn Soạn (2017). Giáo trình Viết tài liệu khoa học. Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp.

* Tài liệu tham khảo khác:

1. Nguyễn Xuân Trạch & Đỗ Đức Lực (2016). Giáo trình Phân tích số liệu thí nghiệm và công bố kết quả nghiên cứu chăn nuôi. NXB Đại học Nông nghiệp, Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Tuấn (2013). Từ nghiên cứu đến công bố - Kỹ năng mềm cho nhà khoa học. Nhà xuất bản Tổng hợp TPHCM.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD
1	Lý thuyết	
	Chương 1: Nghiên cứu khoa học và tài liệu khoa học	K1, K4
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Khái niệm về khoa học 1.2. Nghiên cứu khoa học 1.3. Tài liệu khoa học	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 1.4. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	
1-2	Chương 2: Văn phong khoa học	K1, K4
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Ba cần 2.2. Ba không	

	2.3. Ba chú ý	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 2.4. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	
	Chương 3: Đề cương và kết quả nghiên cứu	K1, K4
2	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1 tiết) Nội dung GD lý thuyết:(0,5 tiết) 3.1. Khái niệm 3.2. Các phần của đề cương và kết quả nghiên cứu Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết) 3.3. Sinh viên nhận nhóm và nhận các chủ đề để viết tiểu luận và chuẩn bị cho buổi seminar vào tuần 10.	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (3 tiết) 3.4. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	
	Chương 4:Tên đề tài	K1, K4
2-3	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết:(1,5 tiết) 4.1.Khái niệm 4.2. Yêu cầu 4.3. Những điều nên tránh khi viết tên đề tài 4.4. Cách lựa chọn tên đề tài Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết) 4.5. Sinh viên thảo luận theo nhóm để viết tên đề tài cho tiểu luận và chuẩn bị cho buổi seminar vào tuần 10.	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 4.5. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	
	Chương 5: Đặt vấn đề	K1, K4
3	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2,5 tiết) Nội dung GD lý thuyết:(2,0 tiết) 5.1. Mục đích 5.2. Cách viết đặt vấn đề Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết) 5.3. Sinh viên thảo luận theo nhóm để viết đặt vấn đề cho tiểu luận và chuẩn bị cho buổi seminar vào tuần 10.	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết)	

	5.4. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	
	Chương 6: Tổng quan tài liệu	K1, K4
3-4	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2,5 tiết) Nội dung GD lý thuyết:(2,0 tiết) 6.1. Khái niệm 6.2. Mục đích 6.3. Các nguồn tài liệu sử dụng để viết tổng quan tài liệu 6.4. Cấu trúc chung của tổng quan tài liệu Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết) 6.5. Sinh viên thảo luận theo nhóm để viết tổng quan tài liệu cho tiểu luận và chuẩn bị cho buổi seminar vào tuần 10. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) 6.6. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	
	Chương 7: Vật liệu và phương pháp nghiên cứu	K1, K4
4-5	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2,5 tiết) Nội dung GD lý thuyết:(2,0 tiết) 7.1. Khái niệm 7.2. Yêu cầu 7.3. Cách viết Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết) 7.4. Sinh viên thảo luận theo nhóm để viết vật liệu và phương pháp nghiên cứu cho tiểu luận và chuẩn bị cho buổi seminar vào tuần 10. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) 7.4. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	
	Chương 8: Kết quả và thảo luận	K1, K4
5-6	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết) Nội dung GD lý thuyết:(3,5 tiết) 8.1. Kết quả 8.2. Thảo luận 8.3. Phối hợp kết quả và thảo luận Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết) 8.4. Sinh viên thảo luận theo nhóm để viết dự kiến kết quả cho tiểu luận và chuẩn bị cho buổi seminar vào tuần 10. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) 8.5. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	
	Chương 9: Kết luận – Tóm tắt và từ khoá	K1, K4
6	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (1,5 tiết) Nội dung GD lý thuyết:(1,5 tiết)	

	9.1. Kết luận 9.2. Tóm tắt 9.3. Từ khoá	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4,5 tiết) 9.4. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	
	Chương 10: Trích dẫn và tài liệu tham khảo	K1, K4
7	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2,5 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2,5 tiết) 10.1. Trích dẫn 10.2. Tài liệu tham khảo Nội dung semina/thảo luận: (0,5 tiết) 10.3. Sinh viên thảo luận theo nhóm để viết trích dẫn và tài liệu tham khảo cho tiểu luận và chuẩn bị cho buổi seminar vào tuần 10.	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) 10.4. Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương và trả lời các câu hỏi cuối chương.	
	Thực hành	
	Bài 1 Tìm kiếm tài liệu tham khảo	K1, K2, K3, K4
	A/ Nội dung giảng dạy thực hành (2,5 tiết) - Nguyên tắc tìm kiếm tài liệu tham khảo - Các phương pháp tìm kiếm tài liệu tham khảo	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương	
Theo sự sắp xếp của Ban Quản lý đào tạo	Bài 2 Sử dụng phần mềm EndNote trong quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo	K1, K2, K3, K4
	A/ Nội dung giảng dạy thực hành (2,5 tiết) - Nội dung 1: Giới thiệu phần mềm EndNote - Nội dung 2: Tạo thư viện trong phần mềm EndNote - Nội dung 3: Trích dẫn tài liệu tham khảo bằng phần mềm EndNote	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết) - Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương	
	Bài 3 Viết đề cương khoá luận tốt nghiệp	K1, K2, K3, K4
	A/ Nội dung giảng dạy thực hành (2,5 tiết) - Viết tên đề tài - Viết tên phần mở đầu và tổng quan tài liệu - Viết phần Vật liệu và phương pháp nghiên cứu - Viết phần Dự kiến kết quả và dự trù vật tư thiết bị nghiên cứu - Viết trích dẫn và tài liệu tham khảo	

B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7,5 tiết)

Sinh viên tự đọc tài liệu phần của chương

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học lý thuyết: giảng đường, có máy chiếu, bảng viết, gọn gàng và sạch đẹp và phải truy cập được mạng Internet.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có đầy đủ máy chiếu projector tốt, có bảng chiếu, bảng viết phấn, máy tăng âm, có hệ thống loa phát để xem băng hình, hệ thống dây ổ điện và phích cắm; Cơ sở vật chất đầy đủ cho việc học E-learning.

X. Các đợt cải tiến

Lần 1 (7/2020)

- Bổ sung phần thực hành Viết đề cương khoa luận tốt nghiệp
- Sử dụng hệ thống MS Teams trong giảng dạy

Lần 2 (7/2021)

- Cập nhật kết quả nghiên cứu chọn tạo dòng lợn nái Landrace và Yorkshire kháng vi khuẩn gây tiêu chảy bằng chỉ thị phân tử vào nội dung bài giảng
- Sử dụng hệ thống MS Teams trong giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

Lần 3 (7/2022)

- Cập nhật kết quả nghiên cứu những cá thể lợn sống sót trong ổ dịch tả lợn châu Phi vào nội dung bài giảng

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Đỗ Đức Lực

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS Phạm Kim Đăng

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Hà Xuân Bộ

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Đỗ Đức Lực	Học hàm, học vị: PGS. TS.
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0912370193
Email: ddluc@vnua.edu.vn mailto:nxtrach@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/vic/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại và elearning

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Hà Xuân Bộ	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0936595883
Email: hxbo@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/vic/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại và elearning

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Thịnh	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0968.643.535
Email: nhthinh@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/vic/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại và elearning

Trợ giảng học phần

Họ và tên: Nguyễn Châu Giang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0982.300.581
Email: ntcgang@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/vic/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại và elearning